

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 18-11-2022  
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Kiều Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 342/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị V, sinh năm 1963; địa chỉ thường trú: Ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: đường P, Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Đình H, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 7, Khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn – bà Ngô Thị V trình bày:* Năm 1988, bà V và ông H tự nguyện chung sống với nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà V và ông H có một người con chung tên Hoàng Đình Văn A, sinh ngày 22/10/1989. Bà V và ông H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm; đến năm 2007, bà V và ông H tự quyết định không sống chung với nhau nữa.

Nay, bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà V và ông H là vợ chồng; về con chung: Do con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn – ông Hoàng Đình H trình bày:* Thông nhất như bà V trình bày về thời gian chung sống, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn. Quá trình chung sống hai người không có đăng ký kết hôn với nhau.

Do bà V và ông H không còn chung sống với nhau từ năm 2007 đến nay, nên trước yêu cầu khởi kiện của bà V, ông H đồng ý; về con chung: Do con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bà V và ông H đều thừa nhận là vợ chồng và chung sống với nhau từ năm 1988 đến năm 2007, nhưng không có đăng ký kết hôn; do mâu thuẫn nên hai người đã không còn sống chung từ năm 2007 cho đến nay. Căn cứ Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, thị xã B và UBND phường C, thành phố T xác định: Từ khi đủ tuổi kết hôn đến nay, bà V và ông H chưa đăng ký kết hôn với ai; từ năm 1988 đến năm 2007, bà V và ông H có chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Do bà V và ông H chung sống với nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V. Về con chung: Quá trình chung sống, bà V và ông H có một người con chung tên Hoàng Đình Văn A, sinh ngày 22/10/1989; do con chung đã trên 18 tuổi nên không đề xuất giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không có yêu cầu tranh chấp nên đề xuất không giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Hoàng Đình H hiện cư trú tại: Tổ 7, Khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một; nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Bà Ngô Thị V và ông Hoàng Đình H cùng thừa nhận chung sống với nhau từ năm 1988 đến năm 2007, nhưng không có đăng ký kết hôn. Từ năm 2007 đến nay, bà V và ông H mâu thuẫn nên không còn chung sống với nhau nữa. Theo các Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND xã P, thị xã B và UBND phường C, thành phố T, có căn cứ xác định: Từ khi đủ tuổi kết hôn đến

nay, bà V và ông H chưa đăng ký kết hôn với ai; từ năm 1988 đến năm 2007, bà V và ông H có chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn.

[3] Do bà V và ông H chung sống với nhau từ năm 1988 đến năm 2007, nhưng không đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, cũng như không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Bà V và ông H xác định hai người có một người con chung tên Hoàng Đình Vân A, sinh ngày 22/10/1989; hiện nay con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Do chị Hoàng Đình Vân A đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên đương sự không có yêu cầu tranh chấp nên không giải quyết.

[6] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị V đối với bị đơn ông Hoàng Đình H;

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị V và ông Hoàng Đình H.

2. Về con chung: Chị Hoàng Đình Vân A đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu tranh chấp nên không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0000163 ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

5. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Trường**